REVISON FOR TEST END OF TERM 2 – Y8 NON VIET

1. **Times of day (Giờ trong ngày)**
   Question: Bây giờ là mấy giờ? (what time is it?)
   Answer: Bây giờ là + giờ (time)

Task 1: Drag the time and drop it into the correct pictures

Mười giờ hai mươi phút

Năm giờ

Mười một giờ kém hai mươi

Mười hai giờ rưỡi

Ba giờ mười

Task 2: Match the word with the correct meaning

Monday

Saturday

Wednesday

Friday

Thursday

Sunday

Tuesday

March

April

January

June

November

December

September

October

July

February

May

August

LIVEWORKSHEETS

Task 3: Choose the correct answers

1. Tuần trước, anh ấy .....đi ăn với bạn.
2. Tháng ba năm sau, tôi .....đi du học ở Pháp.
3. Ngay bây giờ (now), tôi.....ở nhà.
4. Ngày mai, tôi.....đi mua sắm ở siêu thị.
5. Hôm qua, Lan.....đến thăm tôi.

Task 4: Fill in the bank

Part a. (đều/cũng/vẫn)

1. Tôi và anh ấy.....thích ăn phở.
2. Hôm nay là chủ nhật nhưng tôi.....đi học.
3. Tôi là học sinh, em trai tôi.....học sinh. Chúng tôi.....là học sinh.
4. Sáng nay, tôi.....chưa làm xong bài tập về nhà.
5. Tôi thích uống cà phê và chị gái tôi.....rất thích uống cà phê.

Part b. (đâu/ở đâu)

1. Dạo này bạn đi học.....?
2. Bây giờ chị đi.....?
3. Bạn thích ăn phở.....?
4. Kỳ nghỉ này bạn sẽ đi..... để du lịch?
5. Bạn thích xem phim.....?

Task 5: Write a short paragraph introduce your family(member and hobbies)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

LIVEWORKSHEETS